

PHÁT TRIỂN KĨ NĂNG KIÊN ĐỊNH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

TRẦN LƯƠNG*

TÓM TẮT

Bài viết phân tích thực trạng kĩ năng kiên định (KNKD) của sinh viên (SV) Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) và nguyên nhân của thực trạng. Trên cơ sở đó, đề xuất một số biện pháp phát triển KNKD cho SV Trường ĐHCT.

Từ khóa: kĩ năng kiên định, sinh viên Trường Đại học Cần Thơ.

ABSTRACT

Developing consistency for students of Can Tho University

The article analyzes the reality of the consistency of students of Can Tho University and its causes. Based on the results, a solution to developing consistency for students of Can Tho University is proposed.

Keywords: consistency, students of Can Tho University.

1. Đặt vấn đề

Xã hội hiện đại với những thay đổi nhanh về kinh tế - văn hóa - xã hội và lối sống thì KNKD đóng vai trò rất quan trọng trong cuộc sống của con người nói chung và của SV nói riêng. KNKD giúp SV bảo vệ chính kiến, quan điểm, thái độ và những quyết định của bản thân nhưng không làm tổn hại đến quyền và lợi ích của người khác; giúp SV vượt qua những khó khăn, thử thách trong cuộc sống, nỗ lực cố gắng thực hiện những mục tiêu đã đề ra. Như vậy, có thể nói rằng KNKD là một trong những kĩ năng giúp SV đạt được thành công và hạnh phúc trong cuộc sống.

Thực trạng cho thấy, KNKD của SV Trường ĐHCT chưa cao. Vì thiếu KNKD nên nhiều SV làm theo điều người khác muốn vì sợ, vì bị ép buộc, vì vị nể và vì sự cảm dỗ hoặc thiếu tự tin vào chính bản thân mình. Nhiều SV cố làm những điều mình muốn mà bất chấp

hậu quả. Với cách làm như trên, họ có thể gặp rất nhiều nguy cơ, rủi ro và chạm bẫy, khó thực hiện được những mục tiêu, ước muốn của mình, cảm thấy không thoải mái khi thực hiện công việc và có thể gây ra những nguy hại cho bản thân và cho xã hội. Một trong những nguyên nhân làm cho KNKD của SV chưa cao là do chưa có biện pháp phát triển KNKD cho SV một cách phù hợp. Vì vậy, nghiên cứu biện pháp phát triển KNKD cho SV Trường ĐHCT để phát triển kĩ năng này cho SV là hết sức cần thiết.

2. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu lí luận: phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp so sánh, phương pháp khái quát hóa được sử dụng để nghiên cứu xây dựng cơ sở lí luận, nghiên cứu thực trạng và đề ra biện pháp phát triển KNKD cho SV Trường ĐHCT. Đồng thời, các phương pháp này còn

* ThS, Trường Đại học Cần Thơ; Email: tuong@ctu.edu.vn

được sử dụng để nghiên cứu thực nghiệm biện pháp phát triển KNKD cho SV Trường ĐHCT.

Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn:

- *Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi*

Thiết kế bảng hỏi để khảo sát thực trạng KNKD của SV Trường ĐHCT, thực trạng biện pháp phát triển KNKD cho SV Trường ĐHCT. Đề tài tiến hành khảo sát 1109 SV Trường ĐHCT. Phân bố đối tượng khảo sát như sau:

Về khoa khảo sát, bao gồm: Sư phạm: 100 SV(9%); Khoa học tự nhiên: 115 SV(10,4%); Khoa học xã hội và nhân văn: 96 SV(8,7%); Khoa học Chính trị: 37 SV(3,3%); Nông nghiệp và Sinh học ứng dụng: 111 SV(10 %); Thủy sản: 64 SV (5,8%); Công nghệ: 112 SV (10,1%); Công nghệ thông tin và truyền thông: 140 SV(12,6%); Môi trường và tài nguyên thiên nhiên: 61 SV (5,5%); Luật 89 SV (8%); Kinh tế và quản trị kinh doanh: 142 SV (12,8%); Các khoa khác: 42 SV (3,8%).

Về giới tính, có 549 (49,5%) SV nam và 560 (50,5%) SV nữ.

Về năm học, có 400 (36,1%) SV năm thứ nhất; 326 (29,4%) SV năm thứ hai, 247 (22,3%) SV năm thứ ba; 136 (12,3%) SV năm thứ tư.

Phương pháp này còn được sử dụng để khảo sát thực trạng KNKD của SV trước và sau thực nghiệm.

- *Phương pháp thực nghiệm sư phạm*

Tổ chức thực nghiệm *Biện pháp phát triển KNKD cho SV thông qua việc dạy học chuyên đề “Kĩ năng kiên định”* để khẳng định tính khả thi và tính hiệu quả. 161 SV Khoa Sư phạm trong 3 lớp: SP 088001 (52 SV), SP088002 (59SV),

XH 095001 (52SV) được chọn để tiến hành thực nghiệm.

- *Các phương pháp thống kê*

Sử dụng phần mềm SPSS for Windows để xử lý số liệu nghiên cứu thực trạng và thực nghiệm.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1 Khái niệm kiên định

Theo Hoàng Phê, “*Kiên định* là giữ vững ý định, ý chí, không dễ bị lung lay mặc dầu gặp khó khăn, trở ngại” [4].

Theo Nguyễn Thanh Bình, “*Kiên định* là khả năng con người nhận biết được những gì mình muốn hay không muốn, tại sao mình muốn hay không muốn và khả năng tiến hành các bước cần thiết để đạt được những gì mình muốn/mục tiêu trong những hoàn cảnh cụ thể và luôn dung hòa được giữa quyền và nhu cầu của mình với quyền và nhu cầu của người khác” [2].

Từ các khái niệm KD nêu trên, có thể thấy: “*KD* là khả năng con người nhận biết được những gì mình muốn hay không muốn, tại sao mình muốn hay không muốn và khả năng giữ vững ý định, ý chí, lập trường, bản lĩnh trước mọi cám dỗ, sức ép... để đạt được những gì mình muốn/mục tiêu trong những hoàn cảnh cụ thể một cách linh hoạt, mềm dẻo, dung hòa giữa quyền và nhu cầu của mình với quyền và nhu cầu của người khác”.

Cấu trúc KNKD bao gồm những nhóm kĩ năng nhất định: Kĩ năng nhận thức được vấn đề cần giải quyết và xác định được mục tiêu cần đạt khi giải quyết vấn đề; kĩ năng phân tích, phê phán: Phân tích cái đúng, cái sai, cái hợp lí, cái không hợp lí..., trên cơ sở đó phê phán cái sai, cái không hợp lí..., kĩ năng xác

định ý muốn của bản thân; thực hiện hành động cần làm hoặc điều cần nói

3.2. Thực trạng về kĩ năng kiên định của sinh viên Trường ĐHCT

3.2.1. Nhận thức của SV về khái niệm KĐ

Để tìm hiểu nhận thức của sv về khái niệm kd, chúng tôi đã đưa ra khái

niệm *chưa đúng* về KNKD “KĐ là kiên quyết thực hiện những gì mình muốn hoặc từ chối những gì mình không muốn” và yêu cầu SV lựa chọn mức độ phù hợp với ý kiến của bản thân. Kết quả thu được thể hiện ở bảng 1dưới đây:

Bảng 1. Nhận thức của SV về khái niệm KĐ

			SV				Tổng cộng
			Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	
Các mức độ nhận thức của SV về KN KĐ	1= hoàn toàn không đồng	N	18	8	12	8	46
		%	4,5	2,5	4,9	5,9	4,1
	2= không đồng ý	N	38	35	34	14	121
		%	9,5	10,7	13,8	10,3	10,9
	3= phân vân	N	73	65	49	22	209
		%	18,3	19,9	19,8	16,2	18,8
	4=Đồng ý	N	178	134	99	57	468
		%	44,5	41,1	40,1	41,9	42,2
	5= Hoàn toàn đồng ý	N	93	84	53	35	265
		%	23,3	25,8	21,5	25,7	23,9
Tổng		N	400	326	247	136	1109
		%	100	100	100	100	100
Điểm trung bình			3,72	3,76	3,59	3,71	3,7
Mức ý nghĩa (sig.) (ANOVA)		0,271					
Mức ý nghĩa (sig.) (Gamma)		0,457					

Bảng 1 cho thấy, trong các mức độ nhận thức về khái niệm KĐ, số SV *phân vân, đồng ý* và *hoàn toàn đồng ý* với khái niệm KĐ được đưa ra chiếm 85% cao hơn số SV *hoàn toàn không đồng ý, không đồng ý* với 15%. Khái niệm KĐ được đưa ra là khái niệm chưa đúng. Tuy nhiên, số lượng SV xem đó là khái niệm đúng chiếm tỉ lệ rất cao. Từ đó có thể khẳng định phần lớn SV (85%) chưa hiểu đúng về khái niệm KNKD. Chỉ có 15% SV hiểu đúng khái niệm KNKD. Hiểu sai khái niệm KĐ có thể làm cho SV có những hành động mang tính cố chấp...

Kiểm định (ANOVA) từng cặp giữa các năm cho thấy với mức ý nghĩa (sig.= 0,271), có thể khẳng định không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa điểm trung bình các mức độ nhận thức của SV giữa các năm học về khái niệm KĐ. Kiểm định Gamma cho thấy với mức ý nghĩa (sig. =0,457) có thể kết luận năm học không có liên quan đến việc nhận thức của SV về khái niệm KĐ. Hiểu biết về khái niệm KĐ của SV ở các năm học là tương đương nhau.

3.2.2. Nhận thức của SV về sự cần thiết của KNKD và việc rèn luyện KNKD

Bảng 2. Nhận thức của SV về sự cần thiết của KNKD và việc rèn luyện KNKD

			SV				Tổng cộng
			Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	
Mức độ cần thiết	1= Không cần	N	10	7	2	4	23
		%	2,5	2,1	0,8	2,9	2,1
	2= Cần	N	210	171	153	70	604
		%	52,5	52,5	61,9	51,5	54,5
	3=Rất cần	N	180	148	92	62	482
		%	45	45,4	37,2	45,6	43,5
Tổng		N	400	326	247	136	1109
		%	100	100	100	100	100
Điểm trung bình			2,42	2,43	2,36	2,42	2,41
Mức ý nghĩa (sig.) (ANOVA)			0,428				
Mức ý nghĩa (sig.) (Gamma)			0,370				

Đại đa số (97,9%) SV có nhận thức đúng đắn về sự rất cần thiết của KNKD và việc rèn luyện KNKD. Tuy nhiên vẫn còn một số ít (2,1%) SV chưa thấy được sự cần thiết của KNKD và việc rèn luyện kỹ năng này. Kiểm định (ANOVA) từng cặp giữa các năm cho thấy: Với mức ý nghĩa (sig.=0,428) có thể khẳng định không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa điểm trung bình mức độ nhận thức về sự

cần thiết của KNKD và việc rèn luyện kỹ năng này của SV giữa các năm học. Kiểm định Gamma cho thấy: Với mức ý nghĩa (sig.=0,370), có thể kết luận năm học không có liên quan đến mức độ nhận thức về sự cần thiết của KNKD và việc rèn luyện kỹ năng này của SV. Mức độ nhận thức về sự cần thiết của KNKD của SV ở các năm học là tương đương nhau.

3.2.3. Nhận thức của SV về các bước KD

Bảng 3. Nhận thức của SV về các bước KD

		SV				Tổng cộng	
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4		
Biết các bước KĐ	1= Hoàn toàn không biết	N	8	5	3	4	20
		%	2	1,5	1,2	2,9	1,8
	2= Không biết	N	40	38	29	22	129
		%	10	11,7	11,7	16,2	11,6
	3= Không biết rõ	N	216	188	147	69	620
		%	54	57,7	59,5	50,7	55,9
	4= Biết rõ	N	127	91	65	36	319
		%	31,8	27,9	26,3	26,5	28,8
	5= Biết rất rõ	N	9	4	3	5	21
		%	2,3	1,2	1,2	3,7	1,9
Tổng		N	400	326	247	136	1109
		%	100	100	100	100	100
Điểm trung bình			3,22	3,15	3,14	3,11	3,17
Mức ý nghĩa (sig.) (ANOVA)							0,363
Mức ý nghĩa (sig.) (Gamma)			0,066				

Biết được các bước KĐ là cơ sở, tiền đề cho việc hình thành KNKĐ. Nhưng kết quả khảo sát thể hiện trong bảng 3 cho thấy có 69,3% số SV chưa biết được các bước KĐ. Chỉ có 30,7% số SV biết được các bước này. Điểm số trung bình nhận thức của SV về các bước KĐ ở mức 3,17 là ở dưới mức “biết rõ”. Kiểm định (ANOVA) từng cặp giữa các năm cho thấy: Với mức ý nghĩa ($\text{sig.}=0,363$) có thể khẳng định không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa điểm trung bình về việc thực hiện theo đúng các bước KĐ của SV giữa các năm học. Kiểm định Gamma cho thấy: Với mức ý nghĩa ($\text{sig.}=0,066$) có thể kết luận năm học không liên quan đến việc

thực hiện theo đúng các bước KĐ của SV. Việc thực hiện theo đúng các bước KĐ của SV ở các năm học là tương đương nhau.

3.2.4. Thực trạng về việc SV thực hiện theo đúng các bước KĐ (xem bảng 4)

Các bước hình thành KNKĐ bao gồm:

Bước 1, nhận thức được vấn đề cần giải quyết và xác định được mục tiêu cần đạt được khi giải quyết vấn đề. Bước 2, phân tích, phê phán: Phân tích cái đúng, cái sai, cái hợp lí, cái không hợp lí... trên cơ sở đó phê phán cái sai, cái không hợp lí... Bước 3, xác định ý muốn của bản thân. Bước 4, kiên quyết thực hiện hành động cần làm hoặc điều cần nói.

Bảng 4. Thực trạng về việc SV thực hiện đúng các bước KĐ

			SV				Tổng cộng
			Năm 1	Năm 2	Năm 1	Năm 2	
Thực hiện theo đúng các bước KĐ	1=Không bao giờ	N	12	7	5	3	27
		%	3	2,1	2	2,2	2,4
	2=Hiếm khi	N	29	28	27	11	95
		%	7,3	8,6	10,9	8,1	8,6
	3=Thỉnh thoảng	N	106	97	60	39	302
		%	26,5	29,8	24,3	28,7	27,2
	4=Thường xuyên	N	183	155	117	62	517
		%	45,8	47,5	47,4	45,6	46,6
	5=Rất thường xuyên	N	70	39	38	21	168
		%	17,5	12	15,4	15,4	15,1
Tổng		N	400	326	247	136	1109
		%	100	100	100	100	100
Điểm trung bình			3,67	3,58	3,63	3,63	3,63
Mức ý nghĩa (sig.) (ANOVA)			0,642				
Mức ý nghĩa (sig.) (Gamma)			0,484				

Số SV *thường xuyên* thực hiện theo đúng theo các bước KĐ là 46,6%, chiếm số lượng lớn nhất. Đúng thứ hai là số SV *thỉnh thoảng* giải thực hiện theo đúng theo các bước KĐ chiếm 27,2%. Số SV rất *thường xuyên* thực hiện đúng theo các bước KĐ là 15,1%, xếp thứ ba. Tiếp theo sau là số SV *hiếm khi* thực hiện theo đúng theo các bước KĐ chiếm 8,6%. Đúng cuối cùng là 2,4% SV *không bao giờ* thực hiện theo đúng theo các bước KĐ. Như vậy, có 61,7% SV *thường xuyên và rất thường xuyên* thực hiện theo đúng các bước KĐ. Vẫn còn 38,3% SV chưa *thường xuyên* thực hiện theo đúng

các bước KĐ. Điểm trung bình (3,63) ở dưới mức *thường xuyên* là tương đối thấp Kiểm định (ANOVA) từng cặp giữa các năm cho thấy: Với mức ý nghĩa ($\text{sig.}=0,642$) có thể khẳng định không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa điểm trung bình về việc thực hiện theo đúng các bước KĐ của SV giữa các năm học. Kiểm định Gamma cho thấy: Với mức ý nghĩa ($\text{sig.} = 0,484$), có thể kết luận năm học không có liên quan đến việc thực hiện theo đúng các bước KĐ của SV. Việc thực hiện theo đúng các bước KĐ của SV ở các năm học là tương đương nhau.

3.2.5. Thực trạng về các cách thể hiện KNKĐ của SV (xem bảng 5)

Bảng 5. Mức độ các cách thể hiện KNKĐ của SV

TT	Hành động		Mức độ					$\bar{X}$
			1= Rất thường xuyên	2= Thường xuyên	3= Thỉnh thoảng	4= Hiếm khi	5= Không bao giờ	
1	Làm theo điều người khác muốn vì sợ	N	102	294	458	205	50	2,82
		%	9,2	26,5	41,3	18,5	4,5	
2	Làm theo điều người khác muốn vì bị ép buộc	N	124	271	371	259	84	2,91
		%	11,2	24,4	33,5	23,4	7,6	
3	Làm theo điều người khác muốn vì vị nể	N	93	256	471	244	45	2,9
		%	8,4	23,1	42,5	22	4,1	
4	Làm theo điều người khác muốn vì sợ mình làm sai	N	76	235	472	271	55	2,99
		%	6,9	21,2	42,6	24,4	5	
5	Làm theo sự cảm dỗ của người khác	N	142	168	235	385	179	3,26
		%	12,8	15,1	21,2	34,7	16,1	
6	Làm theo điều mình muốn bất chấp hậu quả	N	124	240	373	259	113	2,99
		%	11,2	21,6	33,6	23,4	10,2	
7	Làm theo điều mình không muốn, phân tích là sai	N	85	169	351	359	145	3,27
		%	7,7	15,2	31,7	32,4	13,1	

Bảng 5 cho thấy vì thiếu KNKĐ nên nhiều SV làm theo điều người khác muốn vì sợ, vì bị ép buộc, vì vị nể và vì sự cảm dỗ hoặc thiếu tự tin vào chính bản thân mình. Nhiều SV cố chấp làm những điều mình muốn bất chấp hậu quả. Với cách làm như trên, họ có thể gặp rất nhiều nguy cơ, rủi ro và cạm bẫy, khó thực hiện được những mục tiêu, ước muốn của mình, cảm thấy không thoải mái khi thực hiện công việc, có thể gây ra những nguy hại cho bản thân và cho xã hội ví dụ như cố tình phạm pháp...

3.2.6. Thực trạng về sự quan tâm của SV đối với KNKĐ và việc rèn luyện KNKĐ

Bảng 6. Thực trạng về sự quan tâm của SV đối với KNKĐ và việc rèn luyện KNKĐ

			SV				Tổng
			Năm 1	Năm 2	Năm 1	Năm 2	
Mức độ quan tâm	1= Không quan tâm	N	17	12	11	7	47
		%	4,3	3,7	4,5	5,1	4,2
	2=Quan tâm	N	237	208	152	79	676
		%	59,3	63,8	61,5	58,1	61
	3=Rất quan tâm	N	146	106	84	50	386
		%	36,5	32,5	34	36,8	34,8
Tổng		N	400	326	247	136	1109
		%	100	100	100	100	100
Điểm trung bình			2,3225	2,2883	2,2955	2,3162	2,3057
Mức ý nghĩa (sig.) (ANOVA)			0,839				
Mức ý nghĩa (sig.) (Gamma)			0,673				

Đa số (95,8%) SV có thái độ quan tâm và rất quan tâm đến KNKĐ và việc rèn luyện KNKĐ. Tuy nhiên vẫn còn một số rất ít (4,2%) SV có thái độ chưa quan tâm đối với KNKĐ và việc rèn luyện KNKĐ. Kiểm định (ANOVA) từng cặp giữa các năm cho thấy: Với mức ý nghĩa (sig.=0,839), có thể khẳng định không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa năm thứ nhất và năm thứ ba. Kiểm định Gamma cho thấy với mức ý nghĩa (sig.=0,673) có thể kết luận năm học không liên quan đến mức độ quan tâm của SV đến KNKĐ và việc rèn luyện KNKĐ. Mức độ quan tâm đến KNKĐ và việc rèn luyện KNKĐ giữa các năm học là như nhau.

3.2.7. Nguyên nhân

Có 81,5% SV cho rằng chưa có biện pháp phát triển KNKĐ phù hợp và 69,7% SV cho rằng do chính họ chưa tự mình rèn luyện kỹ năng này. Đây chính là nguyên nhân làm cho kỹ năng này của SV chưa cao.

Từ kết quả khảo sát thực trạng, chúng tôi đưa ra một số nhận xét chung như sau:

Phần lớn SV chưa hiểu đúng khái niệm KĐ, xem KNKĐ và việc rèn luyện KNKĐ là rất cần thiết, quan tâm đến KNKĐ và việc rèn luyện KNKĐ. Có 38,3% SV chưa thường xuyên thực hiện theo đúng quy trình KNKĐ. Nguyên nhân làm cho KNKĐ của SV chưa cao là do chưa có biện pháp phát triển KNKĐ

cho SV một cách phù hợp và do chính SV chưa tự mình rèn luyện KNKD.

Thực trạng trên cho thấy, việc đề ra biện pháp phát triển KNKD cho SV là

điều cần thiết để nâng cao kỹ năng này.

3.3. Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho SV thông qua việc dạy học chuyên đề “Kỹ năng kiên định”

3.3.1. Thiết kế chuyên đề “KỸ NĂNG KIÊN ĐỊNH”

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

SV hiểu được KNKD và sự cần thiết của KNKD trong các tình huống của cuộc sống.

2. Thái độ

SV tự tin, mạnh dạn quyết tâm thực hiện đến cùng những điều mình phân tích là đúng, là có giá trị, là phù hợp.

3. Kỹ năng sống

SV có KNKD trong quá trình giải quyết các vấn đề trong học tập, trong cuộc sống để sống thành công, an toàn, lành mạnh và hạnh phúc.

II. THÔNG DIỆP

Trong cuộc sống có rất nhiều vấn đề, nhiều tình huống chứa đựng những rủi ro, nguy cơ hoặc cám dỗ, chúng ta cần KD với những suy nghĩ, những giá trị, những quyết định mà chúng ta phân tích là đúng đắn và phù hợp để tự bảo vệ mình, hoặc thực hiện những mục tiêu trong cuộc sống của mình.

III. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

- Giấy A₄ và A₀, kéo, băng dính, bút, máy vi tính, projecter...

VI. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 2: Nhận thức về KNKD

- Làm việc theo nhóm: Chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm từ 5-7 SV. Các nhóm cùng thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Đọc truyện “Câu chuyện về Sơn, Nam và Linh” [1].

“Sơn, Nam và Linh là ba người bạn cùng lớn lên ở một làng quê. Cũng như bao người khác, họ học được nhiều điều mới lạ, làm quen với nhiều người và có thêm những kinh nghiệm mới. Một hôm Sơn đến nhà Nam và nói rằng cần sự giúp đỡ của Nam. Sơn giải thích rằng cậu muốn Nam cùng đi sang làng bên cạnh để giúp đánh con trai làng bên, bởi vì khi Sơn đi ngang qua đó đã bị họ gây chuyện.

Khi Nam nghe điều đó, cậu cảm thấy hơi choáng và giải thích rằng cậu không muốn đi. Sơn trở nên tức giận, quát Nam và còn nói rằng nếu cậu không đi cùng thì tình bạn giữa họ sẽ chấm hết. Nam vừa sợ lại vừa bị tổn thương vì những điều Sơn nói, nên cuối cùng Nam đã đồng ý đi.

Sau đó Sơn lại đến nhà Linh rủ cậu đi cùng để có đội ngũ hùng mạnh hơn. Khi Sơn đến nhà Linh và yêu cầu cùng đi thì Linh bình tĩnh giải thích rằng cậu cảm thấy bất tiện nếu tham gia vào cuộc chiến đó. Linh nói với Sơn rằng: đánh nhau chỉ làm cho tình thế trở nên tồi tệ hơn sao không thay vì nói chuyện với nhau để giải quyết vấn đề. Sau đó Linh còn hỏi Sơn có hiểu vì sao cậu đề nghị như vậy không. Sơn nghĩ một lúc, nhưng vẫn không thay đổi ý định đi đánh nhau với con trai làng bên.

Linh đành lòng phải nói với Sơn rằng: *Rất tiếc, dù không muốn làm mất lòng cậu, nhưng mình buộc lòng phải từ chối lời đề nghị của cậu*”.

- Trả lời các câu hỏi, yêu cầu sâu đây:
- + Trong quan hệ, giao tiếp, hành vi của Sơn, Nam và Linh có đặc điểm gì?
- + Trong câu chuyện trên hãy chỉ rõ ai là người có KNKD? Tại sao?
- + Từ việc đọc và phân tích câu chuyện trên đây, bạn hãy cho biết KNKD là gì?
- + KD khác gì hiểu thắng? bảo thủ?
- Câu trả lời của các nhóm được ghi vào giấy A₀.
- Đại diện từng nhóm lên trình bày kết quả.
- GV yêu cầu mọi người tham gia bổ sung, hoặc đặt câu hỏi cho từng nhóm.
- Cuối cùng GV tổng hợp ý kiến của các nhóm và bổ sung:

- Trong câu chuyện trên, Sơn có phong cách giao tiếp, quan hệ hiểu thắng và áp đặt, chỉ nghĩ đến quyền lợi của mình mà không nghĩ đến người khác.

- Nam có phong cách giao tiếp, quan hệ phụ thuộc, bị động hay nói cách khác Nam phục tùng một cách tiêu cực. Nam hành động không phải vì quyền lợi, sở thích của mình mà luôn vì nể người khác, làm theo điều người khác muốn.

- Linh có phong cách giao tiếp, quan hệ dung hòa, KD. Linh là người vừa bảo vệ quyền của mình nhưng không xem thường quyền của người khác. Linh bình tĩnh giải thích rằng mình cảm thấy bất tiện (thứ cảm giác/ cảm nhận từ trái tim); phân tích, so sánh cái hại của cách giải quyết mà Sơn đưa ra; đưa ra cách giải quyết thay thế có lợi hơn (suy nghĩ được thực hiện bằng khối óc/ lí trí). Sau khi đã nói với Sơn bằng trái tim, bằng khối óc rồi mà Sơn vẫn không chịu từ bỏ ý muốn rú bạn bè đi đánh nhau, Linh đã buộc lòng phải nói “không” với Sơn. Như vậy, Linh đã nói với Sơn bằng trái tim, khối óc, cuối cùng Sơn vẫn muốn ép buộc Linh, nên Linh phải từ chối.

- Nam và Linh đều nhận thức được tình huống và cảm xúc xuất hiện ở hai bạn là tương đồng: đều thấy nếu đi theo Sơn đánh nhau thì tình hình sẽ nghiêm trọng hơn, nên hai bạn đều không muốn tham gia.

- Linh kiên quyết không tham gia đánh nhau, còn Nam thì nể và sợ nên đã nghe theo.

Tính kiên định:

Cởi mở và thành thật với bản thân và người khác; lắng nghe ý kiến người khác; bày tỏ sự thông cảm đối với hoàn cảnh người khác; tự trọng và tôn trọng người khác, xử lí cảm xúc của mình; thể hiện rõ ý kiến và mong muốn của mình; nói không và giải thích lí do; thực hiện theo ý muốn của mình mà không tổn hại đến quyền của người khác.

Tính hiểu thắng, quá khích, áp đặt:

Thực hiện bằng được điều mình muốn bất kể điều gì, thậm chí làm phương hại đến quyền lợi người khác; buộc người khác làm điều họ không muốn; nói lớn tiếng và thô lỗ; ngắt lời người khác; luôn đặt nhu cầu và quyền lợi của mình lên trên.

Tính phục tùng, thụ động:

Yên lặng vì sợ người khác giận; tránh xung đột; đồng ý khi trong lòng không muốn; luôn đặt nhu cầu người khác lên trên; chiều theo những việc mình không muốn; trong lòng giận dữ và khó chịu nhưng không nói ra; mơ hồ về ý nghĩ và điều mình muốn; biện minh hành động của mình là vì người khác; không có thái độ cương quyết.

KĐ là kiên quyết thực hiện điều mình muốn trên cơ sở phân tích điều đó là đúng, phù hợp với bản thân và xã hội hoặc kiên quyết từ chối điều mình không muốn trên cơ sở phân tích điều đó là không đúng, không phù hợp với bản thân và xã hội. KĐ không phải là hiếu thắng, áp đặt, bảo thủ và cứng nhắc.

Hoạt động 2. Ý nghĩa của KNKĐ

- *Bước 1.* Yêu cầu các SV kể những câu chuyện mà bản thân đã trải nghiệm hoặc chứng kiến về kết quả của sự KĐ và không KĐ.
- *Bước 2.* Yêu cầu các SV nêu ý nghĩa của KNKĐ trước lớp.
- *Bước 3.* GV bổ sung và tổng kết:

KNKĐ giúp ta: Thực hiện được điều mình muốn, nhưng điều đúng đắn; thực hiện được những mục tiêu đã đề ra; làm tăng thêm sự tự tin; cảm thấy thoải mái khi ứng phó với các tình huống; thể hiện quyền được bảo vệ nhân cách và lòng tự trọng của mình mà không vi phạm quyền của người khác...

Hoạt động 3. Rèn luyện KNKĐ

- *Bước 1.* GV hướng dẫn SV cách thực hiện KNKĐ.

Quy trình KĐ bao gồm: Bước 1, Nhận thức được vấn đề cần giải quyết và xác định được mục tiêu cần đạt được khi giải quyết vấn đề. Bước 2, Phân tích, phê phán: Phân tích cái đúng, cái sai, cái hợp lý, cái không hợp lý... trên cơ sở đó phê phán cái sai, cái không hợp lý... Bước 3, Xác định ý muốn của bản thân. Bước 4, Kiên quyết thực hiện hành động cần làm hoặc điều cần nói.

- *Bước 2.* Chia lớp thành từng nhóm (mỗi nhóm khoảng 5 – 7 SV). Mỗi nhóm giải quyết một trong số các tình huống sau theo các bước hình thành KNKĐ trên:

Tình huống 1. Một người khách đi cùng chuyến bay với bạn, nhờ bạn mang giúp một túi xách nhỏ qua cửa kiểm tra an ninh lên máy bay. Bạn giải quyết tình huống này như thế nào?

Tình huống 2. Bạn đang thiếu tiền chi phí cho cuộc sống và học tập. Thấy vậy, một người bạn thân rủ bạn cùng chơi số đề hoặc cá độ bóng đá hi vọng kiếm được nhiều tiền. Bạn giải quyết tình huống này như thế nào?

Tình huống 3. Ngày mốt là thi học phần X nhưng bạn chưa học bài. Anh (chị) lập kế hoạch là ngày mai sẽ học bài. Một người bạn rất thân đang ở rất xa mời anh (chị) ngày mai đi dự sinh nhật bạn ấy. Bạn ấy nói rằng nếu anh (chị) không đến dự bạn ấy sẽ rất buồn, rất giận và sẽ không chơi với bạn nữa. Anh (chị) xử lý tình huống này như thế nào?

Tình huống 4. Bạn là một cô gái. Bạn mới quen với một người con trai. Người con trai này rủ bạn đi chơi với anh ấy ở nơi rất xa. Bạn giải quyết tình huống này như thế nào?

- *Bước 3:* Các nhóm trình bày kết quả giải quyết tình huống bằng hình thức sắm vai hoặc trình bày lên tờ giấy A0.

Bước 4. GV yêu cầu mọi người tham gia bổ sung, hoặc đặt câu hỏi cho từng nhóm.

- *Bước 5.* GV tổng hợp ý kiến của các nhóm.

Trong trường hợp nhận thấy những nguy cơ rủi ro hay cảm dổ, hoặc sức ép, chúng ta đều cần kiên quyết nói “không” bằng cách thuyết phục, thương lượng...

V. Tổng kết

1. Đề SV nêu lên:

- Những thông điệp nào được rút ra từ chủ đề này?

2. Sau đó GV chốt lại:

Những điều cần ghi nhớ trong chủ đề này.

KĐ là kiên quyết thực hiện những gì mình muốn hoặc từ chối thực hiện những gì mình không muốn trên cơ sở phân tích điều đó là đúng, phù hợp với quyền lợi và nhu cầu của bản thân và của người khác.

KĐ không phải là hiếu thắng, áp đặt, bảo thủ, cứng nhắc...

KNKĐ thể hiện sự tự tin, bản lĩnh vững vàng của con người trước mọi sự cám dỗ, mọi sức ép...

Để có kĩ năng giao tiếp kiên định cần có một tập hợp những kĩ năng sau: giao tiếp, thương lượng, tự nhận thức, tư duy phê phán, xác định giá trị, ra quyết định, kiên định.

BÀI TẬP

Hãy xử lí các tình huống sau:

1. Một người cùng trường mà anh/ chị rất nể đề nghị anh/ chị nâng điểm cho học sinh A để em có thể đạt được danh hiệu học sinh giỏi. Anh/ chị vốn là người công bằng. Anh/ chị sẽ xử lí như thế nào? [1]

2. Trong lớp của anh/ chị có học sinh B là cháu của một thầy hiệu trưởng. B đã nhiều lần gây sự với bạn bè và vì là cháu của thầy hiệu trưởng nên nhiều em phải chịu nhịn. Mấy hôm trước đây B xui một thiếu niên ngoài trường đánh một bạn trong lớp trọng thương. Bạn định đề nghị kỉ luật em này. Nhưng thầy hiệu trưởng và cha mẹ B đến gặp anh/ chị và đề nghị cho qua. Anh/ chị sẽ xử lí như thế nào? [1].

3.3.2. Kết quả thực nghiệm chuyên đề “Kĩ năng kiên định”

Kết quả so sánh về KNKĐ trước và sau thực nghiệm ở SV nhóm thực nghiệm

Bảng 7. KNKĐ trước và sau thực nghiệm ở SV nhóm thực nghiệm

T T	Nội dung	N	ĐTB		Chênh lệch điểm TB	T- Test (sig.)	Khác biệt có ý nghĩa
			Trước TN	Sau TN			
1	Hiểu khái niệm KNKĐ	161	2,77	4,25	1,48	0,00	+
2	Sự cần thiết của KNKĐ	161	2,47	2,88	0,41	0,00	+
3	Biết về các bước hình thành kĩ năng KĐ	161	3,18	4,16	0,98	0,00	+
4	Quan tâm đến KNKĐ	161	2,42	2,78	0,36	0,00	+
5	Thực hiện theo đúng quy trình giải quyết vấn đề	161	3,39	4,14	0,75	0,00	+
Điểm trung bình chung		161	2,84	3,64	0,8	0,01	+

Kết quả cho thấy sig. trong kiểm định $t = 0,01 < 0,05$ có thể kết luận rằng có sự chênh lệch có ý nghĩa thống kê về điểm số trung bình giữa trước và sau thực nghiệm. Chênh lệch trung bình là 0,8. Sau khi thực nghiệm, KNKĐ ở SV tăng lên đáng kể.

4. Kết luận

Kết quả khảo sát thực trạng cho thấy điểm số trung bình KNKĐ của SV Trường ĐHCT là chưa cao. Chúng tôi đã thiết kế và tổ chức dạy học chuyên đề “Kĩ năng kiên định” nhằm nâng cao kĩ năng này cho SV. Kết quả thực nghiệm cho thấy, sau khi thực nghiệm, KNKĐ của SV tăng lên một cách đáng kể. Vì vậy, có thể khẳng định, giải pháp mà chúng tôi đã đề ra ở trên là khả thi và hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thanh Bình (2007), *Giáo trình giáo dục kĩ năng sống*, (Giáo trình cao đẳng sư phạm), Nxb Đại học Sư phạm.
2. Nguyễn Thanh Bình (2010), *Giáo trình chuyên đề giáo dục kĩ năng sống*, Nxb Đại học Sư phạm.
3. Nguyễn Công Khanh (2012), *Phương pháp giáo dục giá trị sống, kĩ năng sống*, Nxb Đại học Sư phạm.
4. Hoàng Phê (1992), *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm Từ điển ngôn ngữ, Hà Nội
5. Huỳnh Văn Sơn (2009), *Nhập môn kĩ năng sống*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
6. John Adair (2008), *Kĩ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề*, Nxb Tổng hợp TPHCM.
7. Robert Heller (2007), *Kĩ năng ra quyết định*, Nxb Tổng hợp TPHCM.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 05-3-2014; ngày phản biện đánh giá: 26-5-2014;
ngày chấp nhận đăng: 25-8-2015)